

*ĐăkTô, ngày 28 tháng 4 năm 2020*

Số:16 /2020/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 31/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2020, giữa:

- *N đơn*: Chị Trần Thị Tiến N . Sinh năm 1997.

- *Bị đơn*: Anh Trương Hoàng V – sinh năm 1990.

Cùng trú tại : Số 121 NVC, Khối 5, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh KonTum.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 4 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 4 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị Tiến N và anh Trương Hoàng V ;

**2.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Tiến N và anh Trương Hoàng V thuận tình ly hôn;

2.2. Về con chung:

Anh Trương Hoàng V được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Trương Khánh Chi, sinh năm 2015; Chị Trần Thị Tiến N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Trương Phước Thịnh, sinh năm 2013 cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Các đương sự không phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung, không ai được cản trở. Không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

2.3. Tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**2.4. Án phí: Áp dụng Điều 144; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:**

Chị Trần Thị Tiến N đồng ý chịu toàn bộ 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003681 ngày 11/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đăk Tô. Hoàn trả lại cho chị Trần Thị Tiến N 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền nêu trên.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Đăk Tô;
- Chi cục THADS huyện Đăk Tô;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Lê Hoa Như**